

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN YÊN
TỈNH YÊN BÁI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 25/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 04-7-2024

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN YÊN, TỈNH YÊN BÁI.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Thoảng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vương Thị Thu Lan

2. Bà Ngô Thị Hoa

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Hiếu – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Bích Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 32/2024/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2024 về việc: Ly hôn, tranh chấp nuôi con. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 15/2024/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Bích T, sinh năm 1987

Địa chỉ: Tổ dân phố số 4, thị trấn M, huyện V, tỉnh Yên Bái (có mặt).

2. **Bị đơn:** Anh Nguyễn Khánh H, sinh năm 1982

Địa chỉ: Tổ dân phố số 4, thị trấn M, huyện V, tỉnh Yên Bái

Hiện tạm trú tại: Thôn T, xã X, huyện V, tỉnh Yên Bái (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Bích T trình bày: Tôi và anh Nguyễn Khánh H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện. Đăng ký ngày 05/01/2015 tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện V, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 6/2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh H nợ nần, tôi hỏi vì sao nợ thì anh không nói, anh H thường xuyên vắng nhà, đi đâu làm gì tôi cũng không biết, khi về nhà tôi hỏi thì mâu thuẫn vợ chồng lại xảy ra cãi chửi nhau sau đó anh H lại đập phá đồ đạc trong nhà. Từ những nguyên nhân trên dẫn đến tình cảm vợ chồng dần nứt và chúng tôi đã sống ly thân nhau từ tháng 12/2021 cho đến nay không ai quan tâm đến ai cả. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn gì nữa. Không thể tiếp tục sống chung với nhau được nữa. Đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn

anh H.

Về con chung: Có 02 cháu Nguyễn Tiến D sinh ngày 12/8/2015; Nguyễn Khánh C sinh ngày 17/11/2019. Khi ly hôn anh H nhận nuôi hai con và không yêu cầu tôi cấp dưỡng nuôi con. Tôi đồng ý.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Khánh H trình bày: Tôi và chị Nguyễn Bích T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện. Đăng ký ngày 05/01/2015 tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện V, tỉnh Yên Bái. Từ khi kết hôn đến tháng 02/2024 vợ chồng có xảy ra cãi nhau do chị T mang con chung đi hát Karaoke cùng bạn bè. Tôi gọi điện khuyên chị T không nên mang con đi cùng, sau đó tôi và chị T cãi nhau trên điện thoại chỉ vì lý do đó chị T đã làm đơn ly hôn đơn phương nhưng tôi không đồng ý. Từ lúc lấy nhau đến tháng 02/2024 chúng tôi sống hạnh phúc và thương yêu nhau. Tôi luôn yêu thương vợ con nên không có chuyện như chị T trình bày ở đơn khởi kiện, nhưng chị T nói với tôi đã hết tình cảm để sống chung, tôi thì không ép buộc chuyện tình cảm. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn tôi. Tôi không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 02 cháu Nguyễn Tiến D sinh ngày 12/8/2015; Nguyễn Khánh C sinh ngày 17/11/2019. Khi ly hôn tôi nhận nuôi hai con và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Công việc của tôi hiện nay lái xe ở mỏ than Cao Sơn, thị xã Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh. Thu nhập một tháng 17.000.000đồng.

Về tài sản chung: Tại bản tự khai ngày 22/4/2024 và Biên bản lấy lời khai ngày 23/4/2024 anh H đề nghị giải quyết về tài sản chung chia đôi theo pháp luật gồm có: Một ngôi nhà xây cấp 4 mái tôn và công trình phụ kèm theo diện tích khoảng 60m². Nhà nằm trên đất của ông Nguyễn Văn S là bố đẻ chị T. Trị giá 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng).

Về nợ chung: Anh H đề nghị chia theo pháp luật gồm khoản nợ: Ông Nguyễn Thành Đ và bà Lưu Thị Cùng địa chỉ: Thôn T, xã X huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái: 190.000.000 đồng (một trăm chín mươi triệu đồng). Anh Nguyễn Lâm H và chị Nguyễn Thị H cùng địa chỉ: Số nhà 18/23, Huỳnh Văn N, phường 15, quận T, thành phố Hồ Chí Minh: 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng). Tổng nợ chung 390.000.000 đồng (Ba trăm chín mươi triệu đồng).

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các giấy tờ của Tòa án cho anh H. Ông Nguyễn Thành Đ địa chỉ thôn T, xã X, huyện V, tỉnh Yên Bái là bố đẻ anh H đã trực tiếp nhận Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và các văn bản của Tòa án và ông Đ đã thông báo cho anh H, anh H biết việc Tòa án báo gọi để giải quyết việc chị Nguyễn Bích T xin ly hôn anh. Nhưng anh H không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án nên Tòa án không thể hòa giải theo quy định của pháp luật Tổ tụng dân sự được.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái phát biểu ý kiến: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng dân sự, quyền và nghĩa vụ của các đương sự được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Nguyễn Bích T được ly hôn anh Nguyễn Khánh H.

Về con chung: Căn cứ Điều 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình xử giao cháu Nguyễn Tiến D sinh ngày 12/8/2015; Nguyễn Khánh C sinh ngày 17/11/2019 cho anh Nguyễn Khánh H nuôi dưỡng. Chị Nguyễn Bích T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị T không đề nghị Toà án giải quyết về phần tài sản chung và nợ chung. Còn anh H có đề nghị giải quyết về tài sản chung: Một ngôi nhà xây cấp 4 mái tôn và công trình phụ kèm theo diện tích khoảng 60m². Nhà nằm trên đất của ông Nguyễn Văn S là bố đẻ chị T. Trị giá 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng) và về nợ chung nợ ông Nguyễn Thành Đ và bà Lưu Thị C cùng địa chỉ: Thôn T, xã X, huyện V, tỉnh Yên Bái: 190.000.000 đồng (một trăm chín mươi triệu đồng). Anh Nguyễn Lâm H và chị Nguyễn Thị H cùng địa chỉ: Số nhà 18/23, Huỳnh Văn N, phường 15, quận T, thành phố Hồ Chí Minh: 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng). Tổng nợ chung 390.000.000 đồng (Ba trăm chín mươi triệu đồng). Toà án nhân dân huyện Văn Yên đã tổng đạt hợp lệ thông báo nộp tiền tạm ứng án phí cho anh H từ ngày 04/5/2024, hết thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 195 Bộ luật Tố tụng dân sự là 07 ngày làm việc nhưng anh H không nộp tạm ứng án phí. Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự yêu cầu đề nghị của anh H không được thụ lý giải quyết.

Về án phí: Căn cứ khoản 4 điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chị Nguyễn Bích T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp về Hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc thụ lý và giải quyết đơn khởi kiện của Tòa án là đúng thẩm quyền được quy định tại điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã triệu tập bị đơn hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Tòa án tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định tại điểm b khoản 2 điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tư cách người tham gia tố tụng: Tòa án đã xác định đúng tư cách của người tham gia tố tụng gồm nguyên đơn, bị đơn trong vụ án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Bích T và anh Nguyễn Khánh H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện V tỉnh Yên Bái vào ngày 05 tháng 01 năm 2015 là hôn nhân hợp pháp. Chị T cho rằng sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 6/2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh H nợ nần, tôi hỏi vì sao nợ thì anh không nói, anh H thường xuyên vắng nhà, đi đâu làm gì tôi cũng không biết, khi về nhà tôi hỏi thì mâu thuẫn vợ chồng lại xảy ra cãi chửi nhau sau đó anh H lại đập phá đồ đạc trong nhà. Từ những nguyên nhân trên dẫn đến tình cảm vợ chồng dần nứt và

chúng tôi đã sống ly thân nhau từ tháng 12/2021 cho đến nay không ai quan tâm đến ai cả. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn gì nữa. Không thể tiếp tục sống chung với nhau được nữa. Đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H.

Còn anh H cho rằng sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 2/2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do chị T mang con chung đi hát karaoke cùng bạn bè. Anh H gọi điện khuyên chị T không nên mang con đi cùng, sau đó anh H và chị T cãi nhau trên điện thoại. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn. Anh H không đồng ý ly hôn.

Tại điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*”.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án; phát biểu đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa đã xác định mâu thuẫn vợ chồng xảy ra dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn. Chị T và anh H đã thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng xảy ra và hiện nay anh chị đã sống mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến ai nữa. Từ đó có căn cứ cho rằng tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh H đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần áp dụng điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 để xử cho chị T được ly hôn anh H là có căn cứ.

[4] Về con chung: Có 02 cháu Nguyễn Tiến D sinh ngày 12/8/2015; Nguyễn Khánh C sinh ngày 17/11/2019. Khi ly hôn anh H nhận nuôi hai con và không yêu cầu chị cấp dưỡng nuôi con. Chị T đồng ý. Việc anh H và chị T thống nhất về nuôi con chung cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu D và không trái với quy định tại điều 81; 82; 83 Luật hôn nhân gia đình. Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T đề nghị tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết

Anh Nguyễn Khánh H đề nghị giải quyết về tài sản chung: Một ngôi nhà xây cấp 4 mái tôn và công trình phụ kèm theo diện tích khoảng 60m². Nhà nằm trên đất của ông Nguyễn Văn S là bố đẻ chị T. Trị giá 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng) và về nợ chung nợ ông Nguyễn Thành Đ và bà Lưu Thị C cùng địa chỉ: Thôn T, xã X, huyện V, tỉnh Yên Bái: 190.000.000 đồng (một trăm chín mươi triệu đồng). Anh Nguyễn Lâm H và chị Nguyễn Thị H cùng địa chỉ: Số nhà 18/23, Huỳnh Văn N, phường 15, quận T, thành phố Hồ Chí Minh: 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng). Tổng nợ chung 390.000.000 đồng (Ba trăm chín mươi triệu đồng). Toà án nhân dân huyện Văn Yên đã tổng đạt hợp lệ thông báo nộp tiền tạm ứng án phí cho anh H từ ngày 04/5/2024, hết thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 195 Bộ luật Tố tụng dân sự là 07 ngày làm việc nhưng anh H không nộp tạm ứng án phí. Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự yêu cầu đề nghị của anh H không được giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chị Nguyễn Bích T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Phần đề nghị tại phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái là có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật. Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Bích T được ly hôn anh Nguyễn Khánh H.

2. Về con chung: Có 02 cháu Nguyễn Tiến D sinh ngày 12/8/2015; Nguyễn Khánh C sinh ngày 17/11/2019.

Xử giao cháu Nguyễn Tiến D và cháu Nguyễn Khánh C cho anh Nguyễn Khánh H trực tiếp chăm nom, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi theo quy định pháp luật. Chị Nguyễn Bích T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm con không ai được ngăn cản.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Bích T phải chịu 300.000đồng tiền án dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: AA/2023/0001017 ngày 20/3/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Yên. Xác nhận chị Nguyễn Bích T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Bích T được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Khánh H vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Văn Yên;
- Chi cục THADS huyện Văn Yên;
- Các đương sự (2)
- UBND xã X.
- Lưu HS (2)-TQĐ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chu Thị Thoảng